|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn** | **Tiếng Việt** | **Lớp 1** |
| **Tên bài học** | **Bài 47: om, op** | **Số tiết:99,100** |
| **Thời gian thực hiện : ngày 05 tháng 11 năm 2024** | | |

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Nhận biết các vần **om, op;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **om, op.**

-Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **om,** vần **op.**

-Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Lừa và ngựa.*

-Viết đúng các vần **om, op;** các tiếng **đom đóm, họp**

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu hoặc bảng phụ.

**1.Giáo viên**

-4 thẻ từ để 1 HS làm BT đọc hiểu trước lớp.

-Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

-Bảng cài, bộ thẻ

**2.Học sinh**

**-**Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

-Bút chì, đồ dùng học tập

-Bảng con, phấn

-Bảng cài, bộ thẻ

-Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **Tiết 1**  **1. Hoạt động mở đầu**  **-**Cả lớp hát | - HS hát |
| **15’** | **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **🟋Hoạt động 1: Giới thiệu bài:** vần **om,** vần **op.** | -HS lắng nghe |
|  | **🟋Hoạt động 2:Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
|  | \* Dạy vần **om**   * HS đọc: **o - mờ - om.** * Phân tích vần **om. /** Đánh vần: **o - mờ - om** */* **om.** * HS nhìn hình. GV hỏi: Đây là con gì**?** * Phân tích tiếng **đom.** / Đánh vần: đờ - om - đom / đom. (Làm tương tự với **đóm).** * HS nhìn mô hình, đánh vần, đọc trơn: o - mờ - om / đờ - om - đom / đờ - om - đom - sắc - đóm / đom đóm.   \*Dạy vần **op**   * Phân tích vần **op.** Đánh vần: **o - pờ - op / op.** * GV cho HS nhìn tranh, hỏi: Các bạn trong tranh đang làm gì? * Đánh vần tiếng **họp: hờ - op - hop - nặng - họp / họp.** * Đánh vần, đọc trơn: **o - pờ - op / hờ - op - hop - nặng - họp / họp tổ.**   \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **om, op,** 2 tiếng mới học: **đom, họp.** | -HS đọc  -Phân tích, đánh vần  -HS trả lời  -Phân tích, đánh vần  -Cả lớp đánh vần ,đọc trơn  -Phân tích, đánh vần  - HS trả lời  -Đánh vần  -Đánh vần, đọc trơn  -HS nói: **om, op, đom, họp** |
| **47’** | **3.Hoạt động luyện tập ,thực hành**  **🟋Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **om?** Tiếng nào có vần **op?)**  - HS đọc: cọp (hổ), khóm tre,...   * GV giải nghĩa: chỏm mũ (phần nhô lên trên cùng của cái mũ); lom khom (tư thế còng lưng xuống); gom góp (tập hợp dần dần). * Từng cặp HS làm bài. / 2 HS báo cáo: HS 1 nói tiếng có vần om. HS 2 nói tiếng có vần op. * GV chỉ từng chữ, yêu cầu HS đọc : Tiếng **cọp** có vần **op.** Tiếng **khóm** có vần **om,...** * HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **om** (bom, còm, hòm, tóm,...); có vần **op** (bóp, chóp, ngóp, tóp,...)   **🟋Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng vừa học.   1. Viết vần **om, op.**  * GV viết mẫu, hướng dẫn cách viết. Chú ý: viết **o** và **m, 0** và **p** không xa quá hay gần quá. * Yêu cầu HS viết: **om, op** (2 lần).  1. Viết: **đom đóm, họp tổ** (tương tự mục b).  * GV viết mẫu, hướng dẫn: **đom** (viết chữ **đ** cao 4 li, tiếp đến vần **om); / đóm** có dấu sắc trên **o; / họp** (viết chữ **h** cao 5 li, **p** 4 li, dấu nặng đặt dưới **o).** * HS viết: **đom đóm, họp** (tổ).   **\* Giao dục địa phương;** Yêu cầu HS tự giới thiệu và mô tả sơ lược về nơi mình đang sinh sống cho cả lớp cùng nghe. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe  -Cả lớp đọc: Tiếng **cọp** có vần **op.** Tiếng **khóm** có vần **om,...**  - HS tìm  -1HS đọc vần **om, op,** nói cách viết, độ cao các con chữ.  -HS viết ở bảng con  - HS quan sát  - HS viết ở bảng con  - HS tìm |
|  | **🟋Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu truyện *Lừa và ngựa.* Câu chuyện nói về mối quan hệ giữa con người với nhau trong cuộc sống. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **còm nhom, lắm đồ, chả nghe, thở hí hóp, xếp đồ.** Giải nghĩa từ: *thở hí hóp* (thở mệt nhọc, yếu ớt, như sắp hết hơi). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 6 câu. GV chỉ từng câu. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu / 2 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng ý a, b (chưa hoàn chỉnh) cho 1 HS đọc. * HS hoàn thành 2 câu văn, làm bài trong VBT. * Một vài HS nói kết quả. GV khuyến khích cách nói sáng tạo:   Ý a: Lừa nhờ ngựa chở đỡ đồ, ngựa *chả thèm nghe lừa /* (hoặc) *ngựa mặc kệ, không chịu giúp lừa / ngựa phớt lờ, chẳng chịu giúp bạn /...*  Ý b: Lừa ngã, thở hí hóp, thế là *bà chủ xếp hết đồ từ lừa qua ngựa. /* (hoặc) *bà chủ xếp tất cả đồ đạc nặng trịch từ lưng lừa sang lưng ngựa /...*   * GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì?   GV: Ngựa phải chịu hậu quả từ việc không giúp đỡ lừa. Nếu ngựa chịu giúp lừa một chút thì lừa đã không ngã ra bờ cỏ, thở hí hóp và ngựa đã không phải chở tất cả đồ của lừa. Cho nên, giúp đỡ người khác nhiều khi cũng là giúp mình. Chắc là chú ngựa trong câu chuyện này đã hiểu ra điều đó. | -HS lắng nghe  - HS luyện đọc  -1 HS đọc, cả lớp đọc.  -HS thi đọc  -HS đọc  -HS làm vào vở BT |
| **3’** | **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp**  -GV dặn HS về nhà kể cho người thân nghe điều em đã hiểu ra từ câu chuyện Lừa và ngựa.  -**-**HS về nhà học bài và làm bài  -Rèn thêm chữ viết  -Đọc bài  -Chuẩn bị bài tiếp theo | -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY :**